TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **909**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12/6/2023.
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang Việt;

Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân dân Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 81/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2275/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Cao Phương N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 197 đường TC, Phường X, quận TB, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Ông Sveinsson S, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Prestastigur 9, 113 Reykjavik, Iceland.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Cao Phương N trình bày:

Bà Nguyễn Cao Phương N và ông Sveinsson S tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận TB, Thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 07/02/2018.

Sau một thời gian chung sống, vì công việc ông Sveinsson S trở về nước Iceland sinh sống và làm việc, bà Nguyễn Cao Phương N vẫn sinh sống tại Việt Nam, vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại. Trong thời gian dịch bệnh Covid 19, ông Sveinsson S gặp vấn đề về công việc, tài chính, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, bất đồng về quan điểm sống, do khác biệt về văn hóa và nhiều vấn đề khác trong cuộc sống. Nhận thấy hôn nhân giữa vợ chồng không hạnh phúc, mục

đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Cao Phương N yêu cầu ly hôn với ông Sveinsson S.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Sveinsson S trình bày:

Tại bản khai đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 11/5/2023, ông Sveinsson S thừa nhận quan hệ hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, mâu thuẫn vợ chồng như bà Nguyễn Cao Phương N trình bày. Ông Sveinsson S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Cao Phương N; về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Sveinsson S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Cao Phương N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Sveinsson S đang cư trú tại nước ngoài không thể tham gia phiên tòa xét xử vụ án hôn nhân gia đình theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Cao Phương N tại Việt Nam, ông Sveinsson S yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử vắng mặt ông Sveinsson S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Cao Phương N yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Sveinsson S, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Sveinsson S đang cư trú tại nước Iceland nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Cao Phương N, bị đơn ông Sveinsson S tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Nguyễn Cao Phương N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Sveinsson S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đã được hợp pháp hóa lãnh sự. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà Nguyễn Cao Phương N và ông Sveinsson S theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Cao Phương N đối với bị đơn ông Sveinsson S, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 07/02/2018 do Ủy ban nhân dân quận TB, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Cao Phương N và ông Sveinsson S; có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Cao Phương N và ông Sveinsson S là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Cao Phương N yêu cầu ly hôn ông Sveinsson S với lý do sau khi kết hôn, vì công việc ông Sveinsson S trở về nước Iceland sinh sống và làm việc, bà Nguyễn Cao Phương N vẫn sinh sống tại Việt Nam, vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại. Trong thời gian dịch bệnh Covid 19, ông Sveinsson S gặp vấn đề về công việc, tài chính, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về ngôn ngữ, bất đồng về quan điểm sống, do khác biệt về văn hóa và nhiều vấn đề khác trong cuộc sống. Đối với ông Sveinsson S cũng thừa nhận trình bày của bà Nguyễn Cao Phương N là đúng và đồng ý ly hôn bà Nguyễn Cao Phương N. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa bà Nguyễn Cao Phương N và ông Sveinsson S không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cao Phương N ly hôn ông Sveinsson S theo quy định tại Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Cao Phương N và ông Sveinsson S xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Cao Phương N phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 38, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cao Phương N đối với ông Sveinsson S:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Cao Phương N ly hôn ông Sveinsson S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 07/02/2018 do Ủy ban nhân dân quận TB, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Cao Phương N và ông Sveinsson S không còn giá trị pháp lý khi từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Cao Phương N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004314 ngày 15/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

5. *Về quyền kháng cáo Bản án:*

Bà Nguyễn Cao Phương N vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Ông Sveinsson S vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- Cục THADS TP.H;
- UBND quận TB,TPH;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

Phan Trịnh Minh Đức